

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Công

2. Ông Nguyễn Đình Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Cao Thị T, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Xóm V , xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hồ Đức N, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi vụ liên quan: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1959; có mặt

Địa chỉ: Xóm V, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Hồ Đức N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B vào ngày 27/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N hay rượu chè, bài bạc, đánh đập chị. Đến tháng 6/2016 chị T phát hiện ra anh N ngoại tình với người phụ nữ khác nên chị đã về bên ngoại sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài chị T xin được ly hôn anh Hồ Đức N.

Về con chung: Chị Cao Thị T và anh Hồ Đức N có một con chung là Hồ Cao Uyên K, sinh ngày 14/02/2014. Hiện cháu đang ở với chị T. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án giải quyết về việc vợ chồng còn vợ bà Hồ Thị T 6.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T rút yêu cầu khởi kiện bổ sung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên tòa bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản chị T và anh N còn nợ 6.000.000 đồng. Khi nào có yêu cầu bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với bị đơn anh Cao Đức N, Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không có lý do.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí đề nghị; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Hồ Đức N;

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hồ Cao Uyên K, sinh ngày 14/02/2014 cho chị Cao Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N vì chị T chưa yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Chị T, bà T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Anh N vắng mặt không có ý kiến nên không có cơ sở để xem xét, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Cao Đức N nhiều lần nhưng anh N vẫn cố tình trốn tránh, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh N đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng anh N vắng

mặt không có lý do đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai cho anh N nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Đức N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Hồ Đức N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh B vào ngày 27/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hôn nhân tuân thủ các điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại UBND xã B về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Theo đó nguyên nhân mâu thuẫn là thời gian vợ chồng chung sống anh N hay rượu chè, bài bạc. Đến năm 2016 vợ chồng sống ly thân do anh N ngoại tình với người khác. Điều này phù hợp với lời khai của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Hồ Đức N.

3. Về con chung: Chị Cao Thị T và anh Hồ Đức N có một con chung là Hồ Cao Uyên K, sinh ngày 24/02/2014. Hiện cháu đang ở với chị T. Ly hôn chị T xin giao quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng. Hiện nay con nhỏ dưới 36 tháng, đang cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ trước đến nay chị T nuôi con vẫn đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Hồ Cao Uyên K cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N vì chị T chưa yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị T và bà Hồ Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét. Anh N vắng mặt không có ý kiến nên không có cơ sở để xem xét, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Hồ Đức N.

- Về con chung: Giao con chung là Hồ Cao Uyên K, sinh ngày 14/02/2014 cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N vì chị T chưa yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị T và bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Anh N vắng mặt không có ý kiến nên không có cơ sở để xem xét, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0003187 ngày 14/02/2017. Trả lại cho chị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0003228 ngày 10/3/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận

- VKSND H. Quỳnh Lưu

- Các đương sự.

- UBND xã B

- Lưu HS, VP.

Nguyễn Anh Sơn